

Bản án số: 26/2022/DS-PT

Ngày: 19/01/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng

Các thẩm phán: Ông Vũ Việt Văn

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Phương Lan, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 416/2021/TLPT-DS ngày 22/11/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện UH8, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 497/2021/QĐ-PT ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà HTL1, sinh năm 1965. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn TT2, thị trấn ĐN3, huyện MĐ4, Hà Nội.

Bị đơn: Ông NVV5, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn NX6, xã VT7, huyện UH8, Hà Nội.

Do có kháng cáo của bà HTL1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà HTL1 trình bày: Bà và ông NVV5 – sinh năm 1968, HKTT: thôn NX6, xã VT7, huyện UH8, TP. Hà Nội (nguyên là Trung Tá, Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện UH8) quen biết từ trước vì ông V5 thường xuyên vay tiền của bà và thanh toán gốc, lãi đầy đủ. Đến ngày 31/5/2018, ông V5 có hỏi vay bà số tiền 250.000.000 đồng; mục đích vay cá nhân; thời hạn vay là một tháng từ ngày 31/5/2018 đến ngày 30/6/2018. Bà đã đồng ý. Hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi

suất là 6%/tháng và có viết giấy vay tiền. Bà đã giao đủ số tiền cho ông V5 là 250.000.000 đồng và ông V5 đã ký nhận.

Việc vay tiền này chỉ có bà và ông V5 biết, ký kết với nhau không liên quan đến bất kể người nào khác; cũng không có ai chứng kiến.

Hết thời hạn một tháng, ông V5 không thanh toán tiền gốc, lãi cho bà. Bà đã nhiều lần có đơn đề nghị cơ quan ông V5 là Ban chỉ huy Quân sự huyện UH8, Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội để yêu cầu ông V5 thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho bà. Bản thân ông V5 cũng nhiều lần hứa hẹn sau khi về hưu sẽ bàn giao sổ hưu cho bà nhưng ông V5 luôn trốn tránh. Đến tháng 5 năm 2019 ông V5 có thanh toán cho bà 50.000.000 đồng tiền lãi (cũng không có giấy tờ gì). Kể từ đó, ông V5 không hề thanh toán cho bà bất kỳ tiền gốc, lãi gì. Mặc dù khi ký kết giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6,0%/tháng. Xong bà biết việc thỏa thuận này đã vượt quá quy định nên bà chỉ đề nghị Tòa tính lãi trong hạn và quá hạn là 2,5%/tháng.

Ông V5 vay bà tiền ngày 31/5/2018 là lần cuối cùng. Ngoài số tiền vay 250.000.000 đồng ngày 31/5/2018 thì ông V5 không còn nợ bà khoản tiền vay nào khác. Đối với các tài liệu liên quan đến Ban chỉ huy quân sự huyện UH8 và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội bà không nhớ.

Vì vậy, bà đề nghị Tòa giải quyết:

- + Buộc ông V5 phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn là 2,5%/tháng kể từ ngày 30/6/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- + Đề nghị Tòa trừ số tiền lãi của ông V5 đã trả cho bà là 50.000.000 đồng.

- + Đối với 02 Giấy chứng nhận của ông V5 đưa cho bà để làm tin, bà đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông NVV5 trình bày: Ông và bà HTL1 có quen biết nhau từ trước do có vài lần ông hỏi vay tiền bà L1 và được bà cho vay; các lần đó ông đều thanh toán trả bà L1 đầy đủ và đúng hạn. Ngày 31/5/2018, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên ông có hỏi vay bà L1 số tiền là 250.000.000 đồng thời hạn vay là 01 tháng. Bà L1 đồng ý và đã cho ông vay đủ số tiền 250.000.000 đồng; ông đã ký vào giấy vay tiền ngày 31/5/2018. Hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất. Sau khi được vay tiền, trong tháng 6 năm 2018 thì ông có thanh toán trả cho bà L1 số tiền là 40.000.000 đồng nợ lại 210.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2018, bà L1 đòi tiền thì ông không có để thanh toán nên có xin và hứa trả dần nhưng vẫn không thể thanh toán cho bà L1 được. Vì vậy, bà L1 đã có đơn khắp nơi như Ban chỉ huy Quân sự huyện UH8 – nơi ông đang công tác, Bộ tư lệnh thủ đô, Thanh tra Quốc phòng. Lãnh đạo đơn vị của ông đã mời bà L1 đến làm việc, bà L1 cho rằng vì ông không thanh toán đúng hạn nên đề nghị ông phải trả 210.000.000 đồng gốc và thêm 60.980.000 đồng tiền chậm trả. Do không muốn để ảnh hưởng công tác nên

ông và bà L1thỏa thuận thống nhất có sự chứng kiến của lãnh đạo BCHQS huyện UH8 là chốt đến ngày 19/10/2018 tổng số tiền ông nợ bà L1là 270.980.000 đồng (trong đó 210.000.000 đồng là tiền gốc và 60.980.000 đồng là tiền lãi) và làm tròn là 270.000.000 đồng kể từ ngày 19/10/2018 sẽ không tính lãi nữa; mỗi tháng ông sẽ trả bà L130.000.000 đồng. Vì kinh tế khó khăn nên ông không trả được cho bà L1như đúng cam kết. Xong ông đã thanh toán trả cho bà L1tổng số tiền là 230.000.000 đồng còn nợ lại 40.000.000 đồng. Ông đã xin bà L1cho ông trả 20.000.000 đồng còn số tiền 20.000.000 đồng thì bà L1miễn cho ông nhưng bà L1không đồng ý.

Việc vay tiền giữa ông và bà L1chỉ có hai người biết, không liên quan đến bất kỳ ai.

Đây là lần vay cuối cùng của ông với bà L1; ngoài ra không còn bất kỳ khoản vay, khoản nợ nào khác.

Các lần ông trả tiền thì đều không có giấy tờ gì. Xong bà L1có đơn đề nghị đến cơ quan ông nên tại đơn của bà L1, biên bản làm việc, báo cáo đều thể hiện, hiện tại ông còn nợ bà L1số tiền 40.000.000 đồng.

Sau đó, ông nghỉ hưu, lương thấp phải lo cho bố mẹ già nên đã không thanh toán cho bà L1. Nay bà L1khởi kiện, ông không đồng ý quan điểm của bà L1; ông xác nhận hiện còn nợ bà L1số tiền 40.000.000 đồng; hoàn cảnh của ông hiện tại cũng rất khó khăn nên đề nghị Tòa và bà L1tạo điều kiện cho ông xin trả dần. Trước đây, ông có đưa cho bà L102 Giấy chứng nhận để chứng minh ông là cán bộ BCHQS; đến nay ông đã nghỉ hưu nên đề nghị bà L1trả lại cho ông 02 Giấy chứng nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện UH8 đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà HTL1 đối với ông NVV5.
2. Buộc ông NVV5 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà HTL1, số tiền tính đến ngày xét xử - ngày 15/9/2021 là: 68.960.866 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 28.960.866 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2021, ông NVV5 tiếp tục phải chịu lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bà HTL1 là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông NVV5 phải trả bà L1 số tiền gốc là 250.000.000 đồng cộng với lãi suất chậm trả tính từ ngày vay là 2,5%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông V5 phải trả cho bà L1 số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất chậm trả 2,5%/tháng. Bà L1 xác định không thỏa thuận với ông V5 và không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện UH8.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ. Ông V5 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 31/5/2018, ông V5 đã vay của bà L1 số tiền 250.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền ngày 31/5/2018". Tại giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của bên vay là ông V5. Giấy vay tiền được lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, phù hợp quy định pháp luật. Các đương sự đều thừa nhận số tiền gốc ông V5 vay của bà L1 là 250.000.000 đồng.

Tại "Biên bản số 1317/BB-BCH ngày 19/10/2018" và "Biên bản số 1322/BB-BCH ngày 23/10/2018" đều thể hiện tính đến ngày 30/5/2018, ông V5 còn nợ bà L1 cả gốc và lãi là 250.000.000 đồng. Ngày 26/6/2018 ông V5 đã trả bà L1 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/10/2018, ông V5 còn nợ bà L1 tổng số tiền 270.980.000 đồng trong đó nợ gốc 210.000.000 đồng và nợ lãi (tính đến ngày 23/10/2018) 60.980.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà L1 xác nhận tính đến ngày 23/10/2018, ông V5 còn nợ bà L1 270.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận và xác định số tiền ông V5 còn nợ bà L1 tính đến ngày 23/10/2018 là 270.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại "Đơn đề nghị của bà HTL1 ngày 20/7/2019" thể hiện ông V5 đã trả tiền cho bà L1, cụ thể:

- Ngày 06/11/2018 thanh toán 10.000.000 đồng
- Ngày 16/4/2019 thanh toán 50.000.000 đồng
- Ngày 22/4/2019 thanh toán 30.000.000 đồng
- Ngày 01/5/2019 thanh toán 30.000.000 đồng
- Ngày 06/5/2019 thanh toán 30.000.000 đồng
- Ngày 10/5/2019 thanh toán 40.000.000 đồng
- Ngày 18/5/2019 thanh toán 30.000.000 đồng
- Ngày 14/6/2019 thanh toán 10.000.000 đồng

Do đó, kể từ sau ngày 23/10/2018, ông V5 đã trả được cho bà L1 tổng cộng 230.000.000 đồng. Bà L1 thừa nhận chữ viết, chữ ký tại đơn đề nghị ngày 20/7/2019 là của mình, không bị ai ép buộc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 cho rằng tinh thần không được minh mẫn nên viết đơn này, tuy nhiên bà L1 không có tài liệu nào chứng minh và bà L1 cũng xác định bà chưa bao giờ phải điều trị về bệnh thần kinh. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định kể từ sau ngày 14/6/2019 ông V5 còn nợ bà L1 40.000.000 đồng. Các đương sự không xuất trình tài liệu kể từ sau ngày 14/6/2019 ông V5 có thanh toán thêm khoản tiền nào cho bà L1 hay không. Toà án cấp sơ thẩm xác định ông V5 còn nợ bà L1 40.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 274, Điều 280 BLDS 2015. Kháng cáo của bà L1 yêu cầu ông V5 phải trả 250.000.000 đồng tiền nợ gốc là không có căn cứ.

Tại "Giấy vay tiền ngày 31/5/2018" các bên không thoả thuận về lãi suất. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vay nợ có thoả thuận lãi mà chỉ trình bày các bên có thoả thuận miệng lãi suất là 6%/tháng đến tháng 5/2019. Tại các buổi làm việc với Ban CHQS huyện UH8 cũng đã thống nhất sau ngày 23/10/2018 thì sẽ không tính lãi nên yêu cầu của bà L1 buộc ông V5 thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 2,5%/tháng là không có căn cứ.

Trong "Giấy vay tiền ngày 31/5/2018" thể hiện thời hạn vay là 01 tháng. Tuy nhiên tại Biên bản số 1322 ngày 23/10/2018 thì các bên đã thống nhất mỗi tháng ông V5 sẽ trả bà L1 10.000.000 đồng (bắt đầu từ tháng 11/2018) cho đến khi trả hết số nợ. Số tiền ông V5 còn nợ bà L1 chốt đến ngày 23/10/2018 như nhận định ở trên là 270.000.000 đồng. Tại Biên bản làm việc số 221/BB-BCH ngày 22/02/2019, các bên thống nhất đến ngày 31/3/2019 ông V5 sẽ thanh toán

toàn bộ số tiền nợ cho bà L1tuy nhiên đến ngày 31/3/2019 ông V5 chưa thanh toán được xong nợ cho bà L1nên ông V5 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cấp sơ thẩm buộc ông V5 phải thanh toán trả bà L1số tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc tính đến ngày xét xử là 28.960.866 đồng là có căn cứ.

Quan điểm của Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà L1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện UH8.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện UH8, cụ thể:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà HTL1.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà HTL1 đối với ông NVV5.
3. Buộc ông NVV5 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà HTL1 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 68.960.866 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 28.960.866 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ông NVV5 tiếp tục phải chịu lãi trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Buộc bà HTL1 trả lại ông NVV5 02 Giấy chứng nhận số 02990 ngày 18/7/2014 và Giấy chứng nhận số A 0021958 do Học viện Lục Quân cấp cho ông NVV5.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông NVV5 phải nộp số tiền án phí dân sự là: 3.448.000 đồng. Ông V5 có đơn xin giảm tiền án phí được chấp nhận. Buộc ông V5 phải nộp tiền án phí dân sự là 1.724.000đ (Một triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bà HTL1 phải nộp số tiền 18.010.706 đồng được đối trừ với số tiền bà L1 đã nộp là 6.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009890 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UH8, Hà Nội. Bà L1 còn phải nộp số tiền 11.710.706 đồng (Mười một triệu bảy trăm mười nghìn bảy trăm linh sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà HTL1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0057127 ngày 27/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hoà.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện UH8;
- Chi cục THADS huyện UH8;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Tiến Dũng